

NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG VÀ VIỆC MỞ RỘNG QUY MÔ THỰC TẾ CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI



LÊ NAM HẢI

Hệ thống ngân hàng thương mại quốc doanh nước ta tuy có mở những chi nhánh tới tận quận, huyện, nhưng quy mô thực tế còn hạn hẹp, vì những tiện nghi ngân hàng (*banking facilities*) còn nghèo nàn về công cụ cũng như về hình thức; vì vậy, dân cư và doanh nghiệp chưa tiếp cận và hưởng dụng những tiện nghi đó một cách rộng rãi.

Để thu hút và tập hợp được nguồn vốn từ dân cư, từ doanh nghiệp và chuyển các nguồn vốn đó cho các nhà đầu tư, ngân hàng trung ương cần giúp đỡ các ngân hàng trung gian (ngân hàng thương mại) mở rộng quy mô thực tế của hệ thống ngân hàng bằng cách cung ứng những tiện nghi ngân hàng cho mọi người có thể tiếp cận và sử dụng tiện nghi đó của ngân hàng.

Đối với dân cư, những tiện nghi mà ngân hàng thương mại (NHTM) cung ứng hiện nay gồm có tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và tài khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Về tiền gửi không kỳ hạn, hiện nay dân cư chưa được phép mở tài khoản ở ngân hàng để sử dụng séc. Đây là một thiếu sót khiến NHTM mất đi một nguồn vốn quan trọng ký gửi ở NHTM và cũng là một nguyên do khiến ngân hàng thiếu tiền mặt. NHTM nên cho phép tất cả các thành phần kinh tế và mọi người có đủ năng lực pháp lý mở tài khoản ngân hàng dùng séc. Nó có lợi ích thiết thực là tránh dùng tiền mặt, huy động được khối tiền, dù là chờ đợi chi tiêu, vào ngân hàng. Kinh nghiệm cho thấy, nếu có người rút tiền thì cũng có người gửi tiền vào. Đây không phải là tiền tiết kiệm, mà là khoản tiền chờ đợi chi tiêu, nên người chủ tiền không cần phải rút ra giữ ở nhà rồi đem chi tiêu, vì họ có thể dùng séc để thanh toán được. Vấn đề là phải tổ chức thực hiện cho tốt đủ



gây tin tương với nhân dân. Với đa phát triển kinh tế và thị trường ngày càng mở rộng, đang phát sinh nhu cầu tiền gửi có thể chuyển nhượng được như là tiền mặt gửi tại ngân hàng rút bằng séc: đó là loại tiền gửi có thể chuyển trả cho bất cứ đơn vị kinh tế, cá nhân nào theo yêu cầu của người gửi mà không phải rút tiền mặt ra. Nhờ đó, nó góp phần làm giảm áp lực tiền mặt tại ngân hàng. Với mức độ hoạt động kinh tế phức tạp và rộn rịp hơn, như câu chi trả trong giao dịch đòi hỏi phải đáp ứng nhanh, vì vậy các cá nhân, đơn vị kinh tế luôn luôn duy trì một khoản dư có tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng để đáp ứng nhu cầu giao dịch của mình, nhưng họ chỉ gửi theo kiểu này một số lượng tiền thích hợp với nhu cầu chi trả, vì loại tiền gửi không kỳ hạn thường lãi suất thấp. Tuy vậy, tổng số tiền gửi loại này sẽ rất lớn, một khi trình độ nghiệp vụ của ngân hàng được nâng cao, và sẽ là nguồn tài nguyên quan trọng của ngân hàng.

Đối với dân cư, ngân hàng phải là

nơi ký gửi có tin nhiệm để những số tiền chưa sử dụng không còn là tiền "chết", cất giấu đâu đó trong nhà, dưới gầm giường hay chôn ở gốc cây, mà phải được ký gửi vào hệ thống ngân hàng để được sử dụng có hiệu quả kinh doanh cho toàn thể nền kinh tế.

Đối với ngân hàng, một khi dân cư được phép sử dụng rộng rãi tài khoản tiền gửi không kỳ hạn dùng séc, thì một đồng tiền gửi không kỳ hạn tại một NHTM gia tăng sẽ làm tổng số tiền gửi không kỳ hạn trong toàn bộ hệ thống NHTM tăng thêm gấp bội, có thể từ bốn, năm lần đến mười lần số tiền gửi ban đầu, tùy theo tỷ lệ dự trữ bắt buộc do ngân hàng nhà nước ấn định. Ngược lại, nếu một đồng tiền gửi trong tài khoản tiền gửi không kỳ hạn dùng séc rút ra khỏi NHTM, thì tổng số tiền gửi không kỳ hạn trong hệ thống NHTM cũng giảm gấp bội. Chính vì lẽ đó mà cần phải nhanh chóng cho sử dụng tài khoản tiền gửi không kỳ hạn dùng séc để tăng cường các nguồn tài nguyên của ngân hàng, đáp ứng nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp và của dân cư.

Về tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm, tuy hiện nay ngân hàng có thu nhận, nhưng khối lượng không nhiều (chiếm khoảng 32% số tiền mặt thu qua quỹ ngân hàng), nguyên do quan trọng là lãi suất trả cho các khoản tiền này không hấp dẫn người gửi. Đây là vấn đề tác động của lãi suất đối với sự hình thành tiết kiệm, một vấn đề hay gây nên tranh luận. Đó là vì mâu thuẫn giữa một bên là lãi suất thấp thuận lợi cho người đi vay để sản xuất kinh doanh và một bên là người có tiền sẽ không muốn tiết kiệm hay không gửi tiền vào ngân hàng với lãi suất thấp, như là khi mức lãi suất đó không đủ bù đắp cho sự mất giá của đồng tiền.

Với tư cách là một trung gian tài chính, NHTM là một doanh nghiệp và

chủ của nó hoặc người quản lý nó đều nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Ngân hàng kiểm lợi nhuận bằng cách cho vay và đi vay. Để nhận tiền vào, ngân hàng đưa ra các điều kiện thuận lợi cho người gửi tiền. Tiếp đó, ngân hàng phải tìm ra những cách có lợi để đem cho vay những gì đã vay được. Ngân hàng dùng tài chuyển môn nghiệp vụ của mình để thu được một danh sách vốn đầu tư đa dạng, mặc dù những người gửi tiền chỉ để ý là họ thu được một lãi suất đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn của mình hoặc hưởng các thuận lợi về dùng séc. Kỹ năng điều hành một ngân hàng bao gồm khả năng phân đoán được bao nhiêu trong tổng tài sản cần phải giữ dưới dạng các tài sản có khả năng hoàn chuyển thành thanh khoản, kể cả tiền mặt, và có thể đem cho vay bao nhiêu dưới dạng ít khả năng thanh tiêu hơn, mà từ đó thu được các lãi suất cao hơn. Nếu không có khâu trung gian này, thì những người gửi tiền sẽ không có cả thời gian lẫn trình độ chuyên môn để quyết định cần phải cho vay hoặc đầu tư như thế nào. Đó chính là dịch vụ kinh tế mà ngân hàng cung ứng với tư cách là người trung gian.

Đối với doanh nghiệp, ngoài tài khoản tiền gửi sử dụng séc, ngân hàng còn có thể cung ứng tiện nghi khác bằng cách mở cho họ những tài khoản vãng lai (*current account*), là tài khoản theo đó ngân hàng cho doanh nghiệp vay một khoản tiền nhất định và doanh nghiệp ngược lại cam kết chuyển những số tiền thu được vào tài khoản này để trừ bớt nợ. Sự cam kết hỗ tương giữa ngân hàng và doanh nghiệp đưa đến kết quả là ngân hàng ủng hộ cho doanh nghiệp một khoản tiền hoặc cho phép doanh nghiệp lấy tiền ra quá một mức nhất định số tiền có của doanh nghiệp trong tài khoản vãng lai.

Chính nhờ tài khoản vãng lai, doanh nghiệp vay tiền tương đối dễ dàng, đồng thời ngân hàng "theo dõi rất sát" hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và biết rõ tình hình của họ. Thêm vào đó, nhờ cho vay qua tài khoản vãng lai, ngân hàng tạo ra được ký thác, tức là tăng cường số tiền gửi ở ngân hàng. Đây là điều mà năm 1920 nhà kinh tế học R.G. Hawtrey gọi là "cho vay tạo ký thác" (*loans make deposits*).

Ngoài việc cung ứng những tiện nghi ngân hàng cho mọi người, cần có thêm những phương tiện chuyển dịch và phân bổ rủi ro cho hệ thống NHTM.

Một hệ thống ngân hàng hoạt động hoàn hảo còn cung cấp một dịch vụ quan trọng khác: đó là việc chuyển dịch và phân bổ rủi ro. Hoạt động ngân hàng là một trong những hoạt động kinh tế nhiều rủi ro hơn hết. Một hệ thống ngân hàng hoạt động tốt có thể làm giảm tới mức tối thiểu tất cả các

khả năng rủi ro, ngoại trừ những "rủi ro vì tai họa", như rủi ro vì "động đất", những đợt suy thoái lớn về kinh tế trên thế giới v.v...

Ngược lại, nếu chức năng chuyển dịch và phân phối rủi ro do ngân hàng thực hiện không được hữu hiệu hay tắc nghẽn, dễ xảy ra tình trạng rút tiền ồ ạt của dân cư khả dĩ đưa đến sự sụp đổ của cả hệ thống ngân hàng.

Một trong những nguyên do gây nên "rủi ro không được hoàn vốn" là sự thiếu thông tin về người đi vay, về tính khả thi của dự án đầu tư, về hoạt động của doanh nghiệp. Thêm vào đó còn có trình độ yếu kém về nghiệp vụ của cán bộ ngân hàng. Ngoài ra, còn có sự thiếu sót những công cụ ngân hàng, những định chế cần thiết chưa được ngân hàng nhà nước tổ chức với tư cách là một ngân hàng trung ương.

Ngoài biện pháp khác phục sự thiếu thông tin về người đi vay và dự án đầu tư, ngoài biện pháp nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ ngân hàng, cần đưa vào sử dụng những công cụ thông dụng trong hệ thống ngân hàng của nền kinh tế thị trường, như các hối phiếu, lệnh phiếu, ký hóa phiếu. Đây là những công cụ tín dụng giúp chuyển dịch và phân bổ rủi ro thật hữu hiệu bằng hai cách:

- Thứ nhất, đó là những thương phiếu rất được ngân hàng ưa thích nhận chiết khấu, vì đây là nghiệp vụ ít bị rủi ro nhờ có nhiều người chịu trách nhiệm về việc hoàn trả nợ. Đó là những phương tiện gộp chung các rủi ro phân bổ cho nhiều người: tất cả những người ký tên trên thương phiếu đều có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng.

- Thứ hai, nhờ phương pháp lưu động hóa trái quyền bằng cách bồi thực (*endorser*) chuyển nhượng sở hữu, ngân hàng có thể chuyển rủi ro cho những định chế tài chính nào sẵn sàng chấp nhận những rủi ro đó.

Sự phân bổ thời hạn cho vay, sự lựa chọn lãi suất cố định hoặc có thể điều chỉnh, sự phân bổ vốn cho vay dưới nhiều hình thức, sự đòi hỏi những bảo đảm hoặc những người bảo lãnh là những cách khác nhau về sự phân bổ rủi ro.

Thêm vào đó, ngân hàng trung ương (ngân hàng nhà nước) có thể góp phần giảm thiểu rủi ro cho các NHTM bằng cách cung ứng những thông tin, cải thiện chất lượng thông tin, tính khả dụng của nó về những người đi vay (nhà doanh nghiệp, công ty, các ngân hàng trung gian v.v...). Một trong những phương cách hành động là thiết lập trung tâm rủi ro (*centrale des risques*), là nơi tập trung tất cả thông tin về người đi vay, về ngành số đi vay, vật bảo đảm, tính sòng phẳng của những người ấy, v.v... và cung cấp những thông tin đó cho cơ quan tín dụng ♣

Khó khăn chung của sản xuất công nghiệp tại TP HCM hiện nay hầu như không có xí nghiệp nào sử dụng và phát huy hết năng lực của máy móc, trang thiết bị và lực lượng lao động. Nguồn cung cấp vốn, vật tư nguyên liệu và cơ sở kỹ thuật nói chung cũng không ổn định.

Điều đó dẫn đến những hậu quả như năng suất lao động thấp, tỷ lệ hao phí bảo dưỡng, sửa chữa cao, sản phẩm làm ra chất lượng kém. Mặt khác do thiếu định hướng đúng đắn trong cải tạo, qui hoạch, đầu tư và phát triển giữa các ngành, các loại sản phẩm công nghiệp, và do sự chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý phát triển cũng chưa thể hiện rõ tính chất trung tâm công nghiệp nên tại TP HCM đang hình thành một cơ cấu công nghiệp bất hợp lý.

Tuy nhiên phải ghi nhận rằng trong vài năm trở lại đây, khối công nghiệp quốc doanh có trở mình, có được sắp xếp lại hòng đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ trước tình hình mới.

Và mới đây nhất Sở công nghiệp đã lập một kế hoạch kinh toàn và đổi mới khối doanh nghiệp quốc doanh do mình quản lý. Theo đó, từ đây đến cuối năm 1995, 50% số đơn vị trên sẽ được sáp nhập, giải thể, chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc cổ phần khác.

Công việc trên đúng là cần thiết. Nhưng có lẽ cần những nghiên cứu sâu hơn và bước đi thận trọng hơn. Nếu nhìn rộng ra, xem xét kinh nghiệm của các nước đang có nền kinh tế chuyển đổi sang cơ chế thị trường và cả của các nước đã theo kinh tế thị trường từ lâu, không phải ở đâu cũng gặt hái thành công khi sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước. Quan điểm của đại đa số các nước trên đều khác với chúng ta, họ đặt nặng vấn đề tư nhân hóa, nhưng không phải vì thế mà chúng ta không rút tía được những bài học cần thiết cho việc đổi mới khối quốc doanh của chúng ta.

Theo Guy Schulders Giáo sư trưởng Đại học Tổng hợp Paris I, trong cuộc hội thảo về "Nhịp độ và tiến trình chuyển đổi kinh tế ở Việt Nam", "Kỹ thuật tăng cường và phát triển của nền kinh tế Việt Nam" hai ngày 4 và 5.8.1994 vừa qua thì:

Trường hợp của Ba Lan thật đặc biệt và cung cấp cho chúng ta những kinh nghiệm rất bổ ích. Các xí nghiệp quốc doanh Ba Lan đã phản ứng rất tốt trước những thực tế kinh tế mới và góp phần vào việc vực dậy nền công nghiệp đất nước của họ.

Hồi giữa năm 1992, Ngân hàng thế giới đã tiến hành một cuộc điều tra với 75 xí nghiệp tiêu biểu từng là sở hữu nhà nước 100% trước khi Ba Lan bắt đầu cải cách kinh tế.

Có 64 xí nghiệp hưởng ứng cuộc